

Số: 48/2022/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 14 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương; cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình, dự án; cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khóa XV về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức, thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Xét Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương; cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình, dự án; cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương; cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình, dự án; cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 12 năm 2022.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Trang tin HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Nghiêm

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương; cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình, dự án; cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

(Kèm theo Nghị quyết số 48/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương; cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình, dự án; cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (sau đây viết tắt là Chương trình)

2. Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 với các chương trình, dự án khác.

3. Cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình;

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

2. Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

3. Nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 4. Nguyên tắc phân bổ vốn



1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành và địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình đề ra; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, nhất là các địa phương có tỷ lệ hộ nghèo cao.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện đầu tư công năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

Điều 5. Quy định về tiêu chí phân bổ vốn

1. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo; tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo của các huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đơn vị hành chính cấp xã để tính hệ số được xác định căn cứ vào quy định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của các huyện, thị xã, thành phố theo số liệu điều tra cung cầu lao động tại phần mềm quản lý lao động của tỉnh năm 2021.

4. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi các huyện, thị xã, thành phố theo số liệu công bố năm 2020 của Sở Y tế tỉnh.

Điều 6. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn

Tiêu chí phân bổ vốn căn cứ vào: số hộ nghèo, hộ cận nghèo; tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo; tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi; lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn và đơn vị hành chính cấp xã của các huyện, thị xã, thành phố.

1. Tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo cấp huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 2,5%	0,4
Từ 2,5% đến dưới 5%	0,5
Từ 5% đến dưới 8%	0,6
Từ 8% trở lên	0,7

2. Tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo cấp huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 800 hộ	0,4
Từ 800 đến dưới 1.600 hộ	0,5
Từ 1.600 đến dưới 2.000 hộ	0,55
Từ 2.000 đến dưới 2.400 hộ	0,6
Từ 2.400 đến dưới 3.200 hộ	0,7
Từ 3.200 trở lên	0,8

3. Tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã cấp huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Mỗi xã/phường/thị trấn	0,069

4. Tiêu chí tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi trên địa bàn cấp huyện

Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi	Hệ số
Trên 20%	1
Từ 15% đến 20%	0,9
Từ 10% đến 15%	0,8
Dưới 10%	0,7

5. Tiêu chí lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn cấp huyện

Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
Dưới 70.000 người	1
Từ 70.000 đến dưới 80.000 người	1,3



Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố	Hệ số
Từ 80.000 đến dưới 90.000 người	1,6
Từ 90.000 đến dưới 100.000 người	1,9
Từ 100.000 đến dưới 113.000 người	2,2
Từ 113.000 người trở lên	2,5

Điều 7. Định mức phân bổ vốn từng dự án

1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương cho cấp huyện.

b) Tiêu chí phân bổ vốn cho từng huyện, thị xã, thành phố: Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo; đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố.

c) Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

+ C_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

+ X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

+ Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

+ Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

+ G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện Dự án.

2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) *Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*

- Phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phối hợp với các cơ quan có liên quan và các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện.

- Tiêu chí phân bổ vốn cho từng huyện, thị xã, thành phố: Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo; đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố.

- Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$Đ_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

$Đ_i$ là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án.

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương cho Sở Y tế để phối hợp với các cơ quan có liên quan và các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện.

- Tiêu chí phân bổ vốn cho từng huyện, thị xã, thành phố: tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi; đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố.

- Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$E_i = Q.Y_i.DD_i$$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i.DD_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án.

3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các huyện,



thị xã, thành phố triển khai thực hiện.

- Tiêu chí phân bổ vốn cho từng huyện, thị xã, thành phố: Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo; đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố.

- Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$K_i = Q.X_i$$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n x_i}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh thực hiện
Tiểu dự án để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Vốn đầu tư phát triển: Phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện đầu tư các trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh.

- Vốn sự nghiệp: Phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để phối hợp với các cơ quan có liên quan và các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện.

- Tiêu chí phân bổ vốn cho từng huyện, thị xã, thành phố: Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo; lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn của huyện, thị xã, thành phố.

- Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$M_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số

hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i.

Y_i là hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của huyện thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án.

4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương cho Sở Thông tin và Truyền thông để phối hợp với các cơ quan có liên quan và các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện.

- Tiêu chí phân bổ vốn cho từng huyện, thị xã, thành phố: Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo; đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để phối hợp với các cơ quan có liên quan và các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện.

- Tiêu chí phân bổ vốn cho từng huyện, thị xã, thành phố: Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo; đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố

Phân bổ cho từng huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

- R_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i.
- X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i.
- Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i.
- Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

- G là số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện tiểu Dự án.

5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để phối hợp với các cơ quan có liên quan và các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện.

- Tiêu chí phân bổ vốn cho từng huyện, thị xã, thành phố: Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo; đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

Phân bổ vốn ngân sách Trung ương cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tối đa 11%; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tối đa 3%; Sở Thông tin và Truyền thông tối đa 3%; Sở Y tế tối đa 3% và tối thiểu 80% cho huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.

Tiêu chí phân bổ vốn cho từng huyện, thị xã, thành phố: Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo; đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố

Phân bổ cho từng huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

- R_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i.
- X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i.
- Y_i là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i.
- Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

- G là số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện tiểu Dự án.

Điều 8. Quy định về tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

1. Vốn sự nghiệp: Hàng năm căn cứ ngân sách Trung ương phân bổ, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ

thực hiện Chương trình.

2. Vốn đầu tư: Căn cứ ngân sách Trung ương phân bổ, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho cả giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 9. Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với các chương trình, dự án khác trên địa bàn

1. Nguyên tắc lồng ghép nguồn vốn, nội dung lồng ghép vốn và quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán các nguồn vốn được lồng ghép thực hiện theo Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Các nguồn vốn thực hiện lồng ghép

a) Ngân sách trung ương: Ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025.

b) Ngân sách địa phương: Ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã thực hiện đầu tư trên địa bàn cấp huyện, cấp xã nhằm thực hiện các mục tiêu và tiêu chí xây dựng nông thôn mới và hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Nguồn vốn tín dụng.

d) Nguồn vốn hợp pháp khác: Vốn huy động từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đóng góp (*bằng tiền hoặc hiện vật*); đóng góp tự nguyện (*bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động*) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn viện trợ phi Chính phủ

Điều 10. Cơ chế huy động các nguồn lực khác (vốn tín dụng và vốn hợp pháp khác) thực hiện Chương trình

Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 11, Điều 12 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

